

Tuần: 11+12

Tiết: 21+22+23

BÀI 10: KỸ THUẬT NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC VẬT NUÔI

Thời gian thực hiện: 3 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Trình bày được vai trò của việc nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng trị bệnh cho vật nuôi;
- Nêu được các công việc cơ bản trong nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi non, vật nuôi đực giống, vật nuôi cái sinh sản;
- Có ý thức vận dụng kiến thức vào thực tiễn và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi.

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết lập và thực hiện kế hoạch học tập lựa chọn được các nguồn tài liệu học tập phù hợp, lưu giữ thông tin có chọn lọc bằng cách ghi tóm tắt các từ khóa ghi chú bài giảng của giáo viên theo các ý chính.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh để trình bày thông tin, ý tưởng, thảo luận những vấn đề đơn giản của bài học. Biết chủ động và gương mẫu hoàn thành phần việc được giao, góp ý, điều chỉnh để thúc đẩy hoạt động chung, khiêm tốn hỏi các thành viên trong nhóm.

2.2. Năng lực Công nghệ

- Nhận thức công nghệ: nhận thức được các công việc cơ bản trong nuôi dưỡng chăm sóc vật nuôi, vật nuôi đực giống, vật nuôi cái sinh sản
- Giao tiếp công nghệ: sử dụng được một số thuật ngữ về kỹ thuật chăn nuôi
- Đánh giá công nghệ: nhận xét đánh giá được tính hợp lý của các công việc nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi, vật nuôi đực giống, vật nuôi cái sinh sản.

3. Về phẩm chất

- Chăm chỉ: có ý thức về nhiệm vụ học tập, vận dụng kiến thức, kỹ năng nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho vật nuôi vào thực tiễn và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi
- Trách nhiệm: quan tâm đến công việc chăn nuôi của gia đình, có ý thức bảo vệ thiên nhiên, bảo vệ môi trường sống khi chăn nuôi tại gia đình

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Tranh ảnh hoặc clip mô tả về phương thức chăn nuôi, một số vật nuôi chăn nuôi.

- Hình 10.1 đến hình 10.8 SGK.
- Máy tính, tivi.

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động: Mở đầu (15')

a) Mục tiêu: Kích thích nhu cầu tìm hiểu kĩ thuật nuôi, chăm sóc và phòng trị bệnh cho vật nuôi.

b) Nội dung: GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi và trả lời câu hỏi sau:

Cần chăm sóc vật nuôi như thế nào để phù hợp với mỗi giai đoạn phát triển của vật nuôi?

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS

Cần chăm sóc vật nuôi như thế nào để phù hợp với mỗi giai đoạn phát triển của vật nuôi?

Trả lời:

Cần chăm sóc vật nuôi để phù hợp với mỗi giai đoạn phát triển của vật nuôi:

- Nuôi dưỡng và chăm sóc tốt
- Tiêm phòng hoặc cho uống đủ các loại vaccine
- Điều trị đúng bệnh và kịp thời

d) Tổ chức thực hiện:

- **GV giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu thảo luận cặp đôi và trả lời câu hỏi như ở mục nội dung.

- **HS thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ được giao suy nghĩ trả lời câu hỏi. GV theo dõi, hỗ trợ, gợi ý.

- **GV tổ chức báo cáo và thảo luận:** GV gọi 2 HS trả lời các câu hỏi; HS khác nhận xét và góp ý.

- **Kết luận:**

GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS và chốt lại một số ý kiến cơ bản như dự kiến trong mục sản phẩm. GV dẫn dắt vào bài.

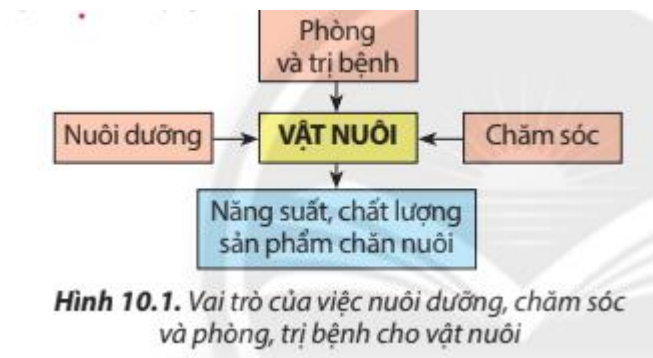
2. Hoạt động: Hình thành kiến thức mới (90')

2.1 Hoạt động 1: Tìm hiểu về vai trò của việc nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho vật nuôi (10')

a) Mục tiêu: Giúp HS hiểu được vai trò của việc nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng trị bệnh cho vật nuôi

GV yêu cầu HS quan sát H 10.1 SGK thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi sau:

1. Quan sát Hình 10.1 và nêu những yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển của vật nuôi.



2. Hãy liệt kê những công việc cần làm để nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi để nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi.

3. Theo em, vì sao tiêm vaccine lại giúp vật nuôi phòng ngừa được bệnh dịch?

c) Sản phẩm: câu trả lời của học sinh

Trả lời:

1. Những yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển của vật nuôi:

- Quá trình nuôi dưỡng
- Quá trình chăm sóc
- Quá trình phòng và trị bệnh

2. Hãy liệt kê những công việc cần làm để nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi để nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi.

Trả lời:

Những công việc cần làm để nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi.

- Nuôi vật nuôi mẹ tốt để có nhiều sữa chất lượng tốt cho đàn con.
- Giữ ấm cho cơ thể.
- Cho bú sữa đầu có đủ chất dinh dưỡng và kháng thể (chất chống bệnh).
- Tập cho vật nuôi non ăn sớm với các loại thức ăn có đủ chất dinh dưỡng để bổ sung sự thiếu hụt chất dinh dưỡng trong sữa mẹ.
- Cho vật nuôi vận động và tiếp xúc với nhiều ánh sáng.
- Giữ vệ sinh, phòng bệnh cho vật nuôi.
- Cần phải cho vật nuôi vận động, tắm chải thường xuyên, kiểm tra thể trọng và tình dịch.
- Thức ăn phải có đủ năng lượng, protein, chất khoáng và vitamin.
- Làm cho khả năng phối giống và chất lượng đời sau có thể tăng lên.

3. Theo em, vì sao tiêm vaccine lại giúp vật nuôi phòng ngừa được bệnh dịch?

Trả lời:

Tiêm vaccine giúp vật nuôi phòng ngừa được bệnh dịch vì vắc xin là chế phẩm có tính kháng nguyên để tạo miễn dịch đặc hiệu chủ động nhằm tăng sức đề

kháng của cơ thể đối với tác nhân gây bệnh, kích thích hệ thống miễn dịch tự nhận diện, loại bỏ các mầm mống vi sinh vật tấn công cơ thể con người.

d) Tổ chức thực hiện:

- **GV giao nhiệm vụ học tập:** GV yêu cầu HS quan sát H.10.1 SGK thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi như ở mục nội dung

- **HS thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ được giao suy nghĩ trả lời câu hỏi. GV theo dõi, hỗ trợ, gợi ý.

- **GV tổ chức báo cáo và thảo luận:** GV gọi 2 HS trả lời các câu hỏi; HS khác nhận xét và góp ý.

- **Kết luận:** Việc nuôi dưỡng, chăm sóc tốt; tiêm phòng và điều trị bệnh kịp thời; giữ vệ sinh thân thể và chuồng trại giúp đàn vật nuôi sẽ luôn khỏe mạnh, phát triển tốt.

2.2 Hoạt động 2: Tìm hiểu về chăn nuôi vật nuôi non (15')

a) Mục tiêu: Giúp HS nhận biết một số đặc điểm sinh lí của cơ thể vật nuôi non

b) Nội dung: GV yêu cầu HS quan sát hình 10.2 SGK làm việc theo nhóm và trả lời các câu hỏi:

1. Hãy nêu các đặc điểm cơ thể của vật nuôi non mà em biết trong từng trường hợp được minh họa ở hình 10.2.



Hình 10.2. Một số vật nuôi non

2. Đặc điểm cơ thể ảnh hưởng đến quá trình sinh trưởng của vật nuôi non như thế nào?

c) Sản phẩm: câu trả lời của học sinh:

1. Hãy nêu các đặc điểm cơ thể của vật nuôi non mà em biết trong từng trường hợp được minh họa ở hình 10.2.

Trả lời:

* Hình 10.2a: Lợn con:

- Lợn con có tốc độ sinh trưởng phát triển nhanh
- Bộ máy tiêu hóa của lợn con phát triển nhanh nhưng chưa hoàn thiện về chức năng, khả năng tiêu hóa của lợn con rất hạn chế.
- Khả năng điều hòa thân nhiệt kém (do lớp mỡ dưới da còn mỏng, lượng mỡ và đường glycogen dự trữ còn ít nên khả năng cung cấp năng lượng bị hạn chế)

- Chức năng miễn dịch chưa tốt.
- Hệ thần kinh điều khiển cân bằng nhiệt chưa hoàn chỉnh.

*** Hình 10.2b: Gà con**

- Gà con mới nở có thân nhiệt chưa ổn định, khả năng điều tiết thân nhiệt kém (lớp lông tơ mỏng manh và khả năng sinh nhiệt kém nên dễ mất nhiệt, giảm thân nhiệt và chết vì lạnh)
- Gà con có tốc độ sinh trưởng cao nhất nên nhu cầu dinh dưỡng cao nhưng do kích thước và chức năng hệ tiêu hóa chưa hoàn chỉnh.
- Sức đề kháng kém, chức năng miễn dịch chưa tốt.

*** Hình 10.2c: Bê (Bò con)**

- Không có sừng, sức đề kháng của bê con vẫn còn yếu
- Chức năng hệ tiêu hóa chưa hoàn chỉnh.

2. Đặc điểm cơ thể ảnh hưởng đến quá trình sinh trưởng của vật nuôi non như thế nào?

Trả lời:

Đặc điểm cơ thể ảnh hưởng đến quá trình sinh trưởng của vật nuôi non

- Sự điều tiết thân nhiệt chưa hoàn chỉnh: Cần giữ ấm nếu không cơ thể sẽ rất yếu, chậm phát triển.
- Chức năng của hệ tiêu hóa chưa hoàn chỉnh: Cần chọn thức ăn dễ tiêu hóa.
- Chức năng hệ miễn dịch chưa tốt, sức đề kháng kém: Vật nuôi con dễ bị mắc bệnh hơn những vật nuôi trưởng thành.

=> Nếu không biết cách nuôi dưỡng, chăm sóc tốt sẽ kém phát triển.

d) Tổ chức thực hiện:

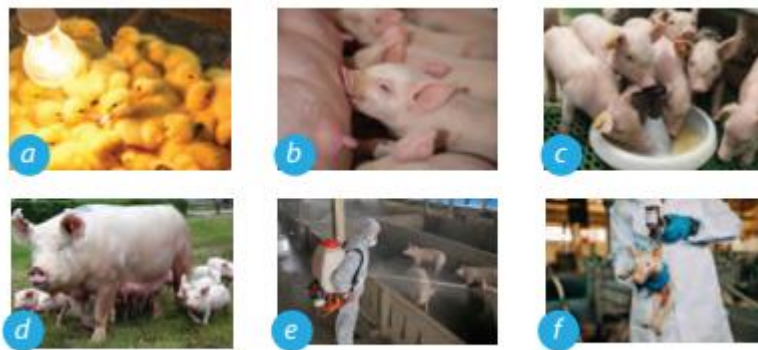
- **GV giao nhiệm vụ học tập:** GV yêu cầu HS quan sát H 10.2 SGK trả lời các câu hỏi như ở mục nội dung
- **HS thực hiện nhiệm vụ:** Học sinh hoạt động thảo luận nhóm để đưa ra câu trả lời. GV theo dõi, hỗ trợ, gợi ý.
- **GV tổ chức báo cáo và thảo luận kết quả:** Các nhóm báo cáo kết quả. Các nhóm khác nhận xét, đánh giá đi đến kết luận.
- **Kết luận:** Tùy theo từng loại vật nuôi non cơ thể có những đặc điểm sau: sự điều tiết thân nhiệt chưa hoàn chỉnh, chức năng của hệ tiêu hóa chưa hoàn chỉnh, chức năng miễn dịch chưa tốt, sức đề kháng kém.

2.3. Hoạt động 3: Tìm hiểu về cách nuôi dưỡng chăm sóc vật nuôi non (15')

a) Mục tiêu: Giúp HS nêu được một số công việc nuôi dưỡng chăm sóc vật nuôi non.

b) Nội dung: GV yêu cầu HS quan sát hình 10.3 SGK trả lời các câu hỏi sau:

Nêu tác dụng của các công việc nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi non được minh họa trong từng trường hợp được minh họa ở hình 10.2.



Hình 10.3. Nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi non

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

Nêu tác dụng của các công việc nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi non được minh họa.

Trả lời:

Tác dụng của các công việc nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi non được minh họa trong mỗi trường hợp ở Hình 10.3:

- Hình 10.3a: Sưởi ấm để tránh nhiễm lạnh làm phát sinh các bệnh về hô hấp, tiêu hóa cho vật nuôi non.
- Hình 10.3b: Cho bú sữa đầu có đủ chất dinh dưỡng, nhiều kháng thể giúp cho cơ thể vật nuôi non chống lại bệnh tật.
- Hình 10.3c: Tập cho ăn sớm để cung cấp dinh dưỡng cho vật nuôi non và giúp hệ tiêu hóa phát triển hoàn thiện.
- Hình 10.3d: Cho vật nuôi non vận động, tiếp xúc nhiều với nắng sớm để cơ thể khỏe mạnh và trao đổi chất tốt.
- Hình 10.3e: Giữ vệ sinh chuồng sạch sẽ, khô ráo; cho uống hoặc tiêm vaccine phòng bệnh đầy đủ.
- Hình 10.3f: Thường xuyên theo dõi để phát hiện và điều trị bệnh kịp thời; nhanh chóng cách li vật nuôi non nhiễm bệnh để tránh lây lan.

d) Tổ chức thực hiện:

- **GV giao nhiệm vụ học tập:** GV yêu cầu HS làm việc cá nhân trả lời câu hỏi như ở mục nội dung
- **HS Thực hiện nhiệm vụ học tập:** Học sinh làm việc cá nhân để đưa ra câu trả lời. GV theo dõi, hỗ trợ, gợi ý.
- **GV tổ chức báo cáo và thảo luận:** Các em báo cáo kết quả. Các em khác nhận xét, đánh giá đi đến kết luận.
- **Kết luận:** Để vật nuôi non khỏe mạnh cần cho bú sữa đầu, tập cho vật nuôi non ăn sớm. Cho vật nuôi được vận động, tiếp xúc nhiều với nắng sớm và được nuôi

trong môi trường đảm bảo vệ sinh. Tiêm phòng định kỳ, theo dõi để phát hiện và điều trị kịp thời cho vật nuôi.

2.4. Hoạt động 4: Tìm hiểu về chăn nuôi vật nuôi đực giống. Yêu cầu đối với vật nuôi đực giống (15')

a) Mục tiêu: Giúp HS nhận biết được các yêu cầu đối với vật nuôi đực giống

b) Nội dung: GV yêu cầu HS quan sát hình 10.4 SGK và trả lời các câu hỏi sau:

1. Vật nuôi đực giống có vai trò gì trong sự phát triển của đàn?
2. Các vật nuôi đực giống trong Hình 10.4 có đặc điểm cơ thể như thế nào?



Bò đực Brahman đỏ



Lợn đực Landrace



Dê đực giống

Hình 10.4. Vật nuôi đực giống

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS

1. Vật nuôi đực giống có vai trò gì trong sự phát triển của đàn?

Trả lời:

Vật nuôi đực giống có vai trò trong sự phát triển cả đàn là:

Nhằm đạt khả năng phối giống cao và cho vật nuôi đời sau có chất lượng tốt.

2. Các vật nuôi đực giống trong Hình 10.4 có đặc điểm cơ thể như thế nào?



Bò đực Brahman đỏ



Lợn đực Landrace



Dê đực giống

Hình 10.4. Vật nuôi đực giống

Trả lời:

Đặc điểm của vật nuôi đực giống trong Hình 10.4:

- Hình 10.4a: Hình thể chắc, khỏe mạnh, hệ cơ phát triển, thân dài, lưng thẳng, yếm và u vai phát triển, tai to và cúp xuống
- Hình 10.4b: thân có lông màu trắng tuyền, đầu nhỏ, dài, tai to dài rủ xuống kín mắt, tai cúp về phía trước, cổ nhỏ và dài, mình dài, vai – lưng – mông và đùi rất phát triển, mõm thẳng

- Hình 10.4c: ngoại hình to, khỏe, lượng sữa dê khá. Con dê đực được chọn làm giống có đầu ngắn và rộng, đôi tai to cân đối và dày, cổ to, ngực nở, bốn chân cứng cáp, 2 dịch hoàn to và đều đặn, khả năng phối giống đạt tỷ lệ thụ thai cao.

d) Tổ chức thực hiện;

- **GV giao nhiệm vụ học tập:** GV yêu cầu HS làm việc nhóm trả lời câu hỏi như ở mục nội dung

- **HS Thực hiện nhiệm vụ học tập:** Học sinh hoạt động thảo luận nhóm để đưa ra câu trả lời. GV theo dõi, hỗ trợ, gợi ý.

- **GV tổ chức báo cáo và thảo luận:** Các nhóm báo cáo kết quả. Các nhóm khác nhận xét, đánh giá đi đến kết luận.

- **Kết luận:** vật nuôi đực giống cần cân đối, rắn chắc, khỏe mạnh thể hiện rõ tính đực.

2.5. Hoạt động 5: Tìm hiểu về nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi đực giống

a) Mục tiêu: Giúp HS trình bày được các công việc nuôi dưỡng chăm sóc vật nuôi đực giống

b) Nội dung: GV yêu cầu HS thảo luận nhóm và trả lời các câu hỏi sau:

Để có sức khỏe và thể trạng tốt vật nuôi đực giống cần được nuôi dưỡng và chăm sóc như thế nào?

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS

- Nuôi dưỡng: cung cấp thức ăn có đủ năng lượng và đủ chất dinh dưỡng

- Chăm sóc tốt: cho vật nuôi vận động

+ Giữ vệ sinh chuồng trại tắm chải cho vật nuôi

+ Tiêm vaxxin định kì

+ Thường xuyên theo dõi để phát hiện bệnh kịp thời điều trị

+ Kiểm tra định kì thể trọng và tinh dịch của vật nuôi

- **GV giao nhiệm vụ học tập:** GV yêu cầu HS làm việc nhóm trả lời câu hỏi như ở mục nội dung

- **HS Thực hiện nhiệm vụ học tập:** Học sinh hoạt động thảo luận nhóm để đưa ra câu trả lời. GV theo dõi, hỗ trợ, gợi ý.

- **GV tổ chức báo cáo và thảo luận:** Các nhóm báo cáo kết quả. Các nhóm khác nhận xét, đánh giá đi đến kết luận.

- **Kết luận:** Vật nuôi đực giống cần được cung cấp thức ăn đủ năng lượng, protein, vitamin, và chất khoáng; cho vật nuôi vận động hằng ngày; nuôi dưỡng trong môi trường đảm bảo vệ sinh, tiêm phòng định kì theo dõi để phát hiện và điều trị kịp thời các bệnh truyền nhiễm

2.6. Hoạt động 6: Tìm hiểu về chăn nuôi vật nuôi cái sinh sản (10 phút)

a) Mục tiêu: Giúp HS nhận biết được các yêu cầu đối với vật nuôi cái sinh sản
Trình bày được các công việc nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi cái sinh sản.

b) Nội dung: GV yêu cầu HS thảo luận nhóm và trả lời các câu hỏi sau:

1. Cơ thể vật nuôi thay đổi như thế nào khi mang thai (Hình 10.5)?



Hình 10.5. Giai đoạn mang thai của các vật nuôi cái sinh sản

2. Hãy nêu nhiệm vụ của các vật nuôi cái sinh sản ở giai đoạn nuôi con (Hình 10.6)



Hình 10.6. Giai đoạn nuôi con của các vật nuôi cái sinh sản

3. Chăm sóc vật nuôi cái sinh sản có tác động thế nào đến đàn vật nuôi con?

4. Theo em, cần làm gì để phòng và điều trị bệnh thông thường do kí sinh trùng như giun, sán, ve...gây ra cho vật nuôi

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS

1. Cơ thể vật nuôi thay đổi như thế nào khi mang thai (Hình 10.5)?



Hình 10.5. Giai đoạn mang thai của các vật nuôi cái sinh sản

Trả lời:

Cơ thể vật nuôi thay đổi khi mang thai (Hình 10.5) là:

- Hình 10.5a: Lợn cái mang thai: thường xuất hiện trạng thái phù thũng ở tứ chi, thành bụng; tuyến vú phát triển to lên, bè ra; lợn yên tĩnh ăn uống tốt và ngủ ngon, bụng phát triển to lên; tình trạng lợn không có biểu hiện động dục lại sau 21 ngày kể từ lúc phối.

- Hình 10.5b: Bò cái mang thai: Bầu vú có sự thay đổi như bầu vú căng, phát triển lớn khi bò có chửa, càng gần đẻ càng lớn. Bầu vú ôm gọn, sờ vào thì săn chắc, các núm vú se nhỏ gọn gàng và không có nếp nhăn. Khi nặn thử có tia sữa non bắn ra. Nếu bò vừa mới mang thai thì sữa non đục trắng, bắn ra thành tia.

- Hình 10.5c: Sau khi lên giống theo dõi đến chu kỳ động dục tiếp theo (21 ngày) nếu không thấy dê cái có biểu hiện động dục thì có thể chúng đã mang thai. Sau một thời gian, chúng sẽ tăng cân, lông mềm mượt hơn. Dê cái có thể tăng khoảng 5kg trong suốt giai đoạn chửa, không để dê quá béo.

2. Hãy nêu nhiệm vụ của các vật nuôi cái sinh sản ở giai đoạn nuôi con (Hình 10.6) nuôi con.



Hình 10.6. Giai đoạn nuôi con của các vật nuôi cái sinh sản

Trả lời:

Nhiệm vụ của các vật nuôi cái sinh sản ở giai đoạn nuôi con:

- Hình 10.6a: Giữ ấm cho lợn con, cho lợn con bú

- Hình 10.6b: Cho bê con bú sữa đầu, tách bê con khỏi mẹ để rèn luyện khả năng tự lập.

- Hình 10.6c: Cho dê con bú sữa đầu, tách dê con khỏi mẹ để rèn luyện khả năng tự lập.

3. Chăm sóc vật nuôi cái sinh sản có tác động thế nào đến đàn vật nuôi con?

Trả lời:

Chăm sóc vật nuôi cái sinh sản ở giai đoạn mang thai và giai đoạn nuôi con ảnh hưởng đến chất lượng của đàn vật nuôi con.

4. Theo em, cần làm gì để phòng và điều trị bệnh thông thường do kí sinh trùng như giun, sán, ve...gây ra cho vật nuôi?

Trả lời:

Để phòng và điều trị bệnh thông thường do kí sinh trùng như giun, sán, ve ... gây ra cho vật nuôi cần:

- Tiêm vaccine định kì cho vật nuôi

- Theo dõi và chăm sóc thường xuyên cho vật nuôi nhằm phát hiện và điều trị bệnh kịp thời. Cách li vật nuôi nhiễm bệnh để tránh lây lan cho những vật nuôi khác.

d) Tổ chức thực hiện;

- **GV giao nhiệm vụ học tập:** GV yêu cầu HS làm việc nhóm trả lời câu hỏi như ở mục nội dung

- **HS Thực hiện nhiệm vụ học tập:** Học sinh hoạt động thảo luận nhóm để đưa ra câu trả lời. GV theo dõi, hỗ trợ, gợi ý.

- **GV tổ chức báo cáo và thảo luận:** Các nhóm báo cáo kết quả. Các nhóm khác nhận xét, đánh giá đi đến kết luận.

- Kết luận:

- Vật nuôi cái sinh sản cần có khả năng sinh con có tỉ lệ sống cao, tiết sữa tốt, tỉ lệ con nuôi sống đến lúc cai sữa cao, đàn con có chất lượng tốt.

- Ở giai đoạn nuôi con và mang thai, vật nuôi cái sinh sản cần được cung cấp đủ các chất dinh dưỡng và bổ sung thêm thức ăn như rau tươi, củ, quả.... Cần theo dõi, chăm sóc khi vật nuôi sinh con để có chế độ vận động phù hợp đảm bảo vệ sinh và tiêm phòng bệnh.

2.7. Hoạt động 7: Tìm hiểu về vệ sinh trong chăn nuôi (10 phút)

a) Mục tiêu: Giúp HS nhận biết được các yêu cầu về vệ sinh môi trường sống của vật nuôi và vệ sinh thân thể vật nuôi

b) Nội dung: GV yêu cầu HS thảo luận nhóm và trả lời các câu hỏi sau:

1. Hãy quan sát Hình 10.7 và nêu những yếu tố ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường sống của vật nuôi.



Hình 10.7. Yêu cầu vệ sinh môi trường sống của vật nuôi

2. Chất thải và rác thải trong chăn nuôi ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe của con người như thế nào?

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS

1. Hãy quan sát Hình 10.7 và nêu những yếu tố ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường sống của vật nuôi.

Trả lời:

Chất thải và rác thải trong chăn nuôi ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe của con người: Đối với các cơ sở chăn nuôi, các chất thải gây ô nhiễm môi trường:

- là địa điểm trú ngụ của nhiều loại côn trùng gây nguy hiểm, như ruồi, muỗi, gián, các vi khuẩn gây bệnh... đây là những loại rất dễ dàng truyền các bệnh nguy hiểm như: sốt xuất huyết, tay chân miệng, hay nguy hiểm hơn là mầm móng của các bệnh ung thư, hô hấp...

- Có ảnh hưởng trực tiếp tới sức khỏe con người, làm giảm sức đề kháng vật nuôi, tăng tỷ lệ mắc bệnh, năng suất bị giảm, tăng các chi phí phòng trị bệnh, hiệu quả kinh tế của chăn nuôi không cao,...

- Ảnh hưởng rất nhiều đến nguồn nước ngầm (với nhiều hộ ở nông thôn vẫn hay dùng giếng làm nước sinh hoạt chính, nên nguồn nước ngầm rất quan trọng), hay nguồn đất có thể bị ảnh hưởng.

- Bón phân động vật không qua xử lý, sẽ làm chết cây, gây úng hoặc thối rễ

2. Chất thải và rác thải trong chăn nuôi ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe của con người như thế nào?

Trả lời:

Chất thải và rác thải trong chăn nuôi ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe của con người: Đối với các cơ sở chăn nuôi, các chất thải gây ô nhiễm môi trường:

- là địa điểm trú ngụ của nhiều loại côn trùng gây nguy hiểm, như ruồi, muỗi, gián, các vi khuẩn gây bệnh... đây là những loại rất dễ dàng truyền các bệnh nguy hiểm như: sốt xuất huyết, tay chân miệng, hay nguy hiểm hơn là mầm móng của các bệnh ung thư, hô hấp...

- Có ảnh hưởng trực tiếp tới sức khỏe con người, làm giảm sức đề kháng vật nuôi, tăng tỷ lệ mắc bệnh, năng suất bị giảm, tăng các chi phí phòng trị bệnh, hiệu quả kinh tế của chăn nuôi không cao,...

- Ảnh hưởng rất nhiều đến nguồn nước ngầm (với nhiều hộ ở nông thôn vẫn hay dùng giếng làm nước sinh hoạt chính, nên nguồn nước ngầm rất quan trọng), hay nguồn đất có thể bị ảnh hưởng.

- Bón phân động vật không qua xử lý, sẽ làm chết cây, gây úng hoặc thối rễ.

d) Tổ chức thực hiện;

- **GV giao nhiệm vụ học tập:** GV yêu cầu HS làm việc nhóm trả lời câu hỏi như ở mục nội dung

- **HS Thực hiện nhiệm vụ học tập:** Học sinh hoạt động thảo luận nhóm để đưa ra câu trả lời. GV theo dõi, hỗ trợ, gợi ý.

- **GV tổ chức báo cáo và thảo luận:** Các nhóm báo cáo kết quả. Các nhóm khác nhận xét, đánh giá đi đến kết luận.

- **Kết luận:**

- Các yếu tố môi trường sống của vật nuôi như: khí hậu trong chuồng; xây dựng chuồng nuôi; thức ăn và nước uống cần được yêu cầu vệ sinh.
- Khi chăn nuôi cần đảm bảo vệ sinh thân thể cho vật nuôi, tắm chải và cho vật nuôi vận động hợp lí.

3. Hoạt động 3: Luyện tập (15 phút)

a) Mục tiêu: Giúp HS củng cố kiến thức về kĩ thuật nuôi dưỡng chăm sóc và phòng trị bệnh cho vật nuôi

b) Nội dung: GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm (6 HS) trong thời gian 10 phút rồi trả lời các câu hỏi sau:

1. Vì sao chăm sóc, phòng và trị bệnh cho vật nuôi lại ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng sản phẩm chăn nuôi?
2. Trình bày biện pháp nuôi dưỡng, chăm sóc cho các vật nuôi được minh họa trong Hình 10.8.



3. Cách chăm sóc vật nuôi được giống khác với vật nuôi cái sinh sản như thế nào?

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

1. Vì sao chăm sóc, phòng và trị bệnh cho vật nuôi lại ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng sản phẩm chăn nuôi?

Trả lời:

Chăm sóc, phòng và trị bệnh cho vật nuôi lại ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng sản phẩm chăn nuôi vì:

Nếu chăm sóc, phòng và điều trị bệnh không tốt dẫn đến vật nuôi có hệ miễn dịch không tốt, sức đề kháng kém, sức khỏe yếu, không đáp ứng được nhu cầu người tiêu dùng, ảnh hưởng đến năng suất chất lượng, sản phẩm chăn nuôi; thậm chí sự sống vật nuôi ngắn hạn dẫn đến tổn thất kinh tế cho người nuôi.

2. Trình bày biện pháp nuôi dưỡng, chăm sóc cho các vật nuôi được minh họa trong Hình 10.8.



Hình 10.8. Một số vật nuôi

Trả lời:

Biện pháp nuôi dưỡng, chăm sóc cho các vật nuôi được minh họa trong Hình 10.8

- Hình 10.8a: Cho vật nuôi con vận động, tiếp xúc nhiều với nắng sớm để cơ thể khỏe mạnh và trao đổi chất tốt.
- Hình 10.8b: Giữ vệ sinh chuồng sạch sẽ, khô ráo.
- Hình 10.8c: Cho bú sữa đầu có đủ chất dinh dưỡng, nhiều kháng thể giúp cho cơ thể vật nuôi non chống lại bệnh tật.

3. Cách chăm sóc vật nuôi đực giống khác với vật nuôi cái sinh sản như thế nào?

Trả lời:

Chế độ nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi cái sinh sản ở giai đoạn mang thai và giai đoạn nuôi con quyết định đến chất lượng đàn vật nuôi con.

Nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi đực giống nhằm đạt khả năng giao phối giống cao và cho vật nuôi đời sau có chất lượng tốt.

d) Tổ chức thực hiện:

- **GV giao nhiệm vụ học tập:** GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi như ở mục nội dung

- **HS thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ được giao suy nghĩ trả lời câu hỏi. GV theo dõi, hỗ trợ, gợi ý.

- **GV tổ chức báo cáo và thảo luận:** GV gọi 2 HS trả lời các câu hỏi; HS khác nhận xét và góp ý.

- **Kết luận:** như trong mục sản phẩm

4. Hoạt động 4: Vận dụng (15')

a) **Mục tiêu:** Giúp HS củng cố và vận dụng những kiến thức kỹ năng vừa học vào thực tiễn.

b) **Nội dung:** GV yêu cầu HS về nhà làm việc cá nhân hoàn thành bài tập.

Quan sát, tìm hiểu và nhận xét công việc chăm sóc và nuôi dưỡng vật nuôi ở gia đình, địa phương em.

c) **Sản phẩm học tập:** Dự kiến câu trả lời của học sinh

Quan sát, tìm hiểu và nhận xét công việc chăm sóc và nuôi dưỡng vật nuôi ở gia đình, địa phương em.

Trả lời:

- Gia đình em đã nuôi chó, mèo. Một vài hoạt động chăm sóc vật nuôi mà em và gia đình đã thực hiện: cho vật nuôi ăn; chơi cùng vật nuôi, dắt vật nuôi đi dạo; chăm sóc, tắm rửa vật nuôi.

- Các vật nuôi phổ biến ở địa phương em: chó, mèo, gà, lợn, bò, trâu, thỏ,... Những việc chăm sóc chúng mà em thường thấy: cho ăn, dọn dẹp vệ sinh,... Ở địa phương em đã cải tiến trong nuôi dưỡng về chuồng trại: xây dựng ở nơi cao ráo, thoáng mát, xa nhà ở; Xây dựng rãnh thoát nước, để vệ sinh gắn liền với hệ thống xử lý chất thải; Sử dụng máng ăn; Có đủ hệ thống đèn chiếu sáng để cho gia súc gia cầm ăn thêm về ban đêm hay sưởi ấm cho gia súc và gia cầm non, nhất là vào ban đêm hay khi trời mưa lạnh.

4.4. Tổ chức thực hiện:

Giao nhiệm vụ học tập: GV yêu cầu HS ghi nhiệm vụ vào vở như phần nội dung

Thực hiện nhiệm vụ: HS về nhà tự hoàn thiện bài tập.

Báo cáo, thảo luận: Đầu giờ của tiết học sau GV yêu cầu một số bạn trình bày bài làm của mình. HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

Kết luận, nhận định: GV nhận xét phần trình bày của HS, ghi nhận, đánh giá các bài làm mà HS đã trình bày.

Yêu cầu học sinh về nhà tự học nội dung

Đọc và tìm hiểu trước bài 11

.....oo0oo.....

Giáo viên



Nguyễn Thị Chiến

**DUYỆT
TỔ CHUYÊN MÔN**



Người duyệt: **Nguyễn Thị Quỳnh Thoa**

Chức vụ: Tổ trưởng chuyên môn

Đơn vị: THCS Ngô Mỹ

Thời gian ký: 11/11/2022

NHÀ TRƯỞNG

TRƯỜNG THCS NGÔ MỸ	
ĐÃ PHÊ DUYỆT	KT. HIỆU TRƯỞNG PHÓ HIỆU TRƯỞNG
	 Phan Văn Phú